

Tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hoà nhập: Yếu tố rào cản và phương hướng khắc phục

Nguyễn Hồng Thuận

Email: thuannh@vnies.edu.vn
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Được đi học là quyền của tất cả trẻ em Việt Nam và xã hội cần đáp ứng nhu cầu cơ bản và chính đáng đó. Trong thực tế, với một số ít trẻ em, đôi khi chưa nhận được sự chào đón của các nhà trường hoặc các em chưa thực sự được trải nghiệm cảm giác an toàn, thoải mái, tự tin khi tham gia các hoạt động ở trường học và được phát triển bản thân. Thống kê về giáo dục cho thấy, nhóm trẻ em thiệt thòi nói trên đang tập trung chủ yếu ở con em các hộ gia đình nghèo, học sinh là dân tộc thiểu số và học sinh khuyết tật - được gọi chung là “nhóm yếu thế”. Vấn đề đặt ra là liệu có đang tồn tại những “rào cản” khi các em tiếp cận với giáo dục hay không? Đồng thời, có những cản trở gì trong tiếp nhận sự quan tâm, bảo trợ để các em có thể hoà nhập trong môi trường thân thiện và an toàn? Bài viết phân tích và nhận diện vấn đề nêu trên, từ đó đưa ra phương hướng khắc phục, tháo gỡ.

TỪ KHÓA: Môi trường giáo dục, an toàn, thân thiện, hoà nhập, rào cản, giải pháp.

→ Nhận bài 27/11/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 10/12/2021 → Duyệt đăng 15/01/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12220111>

1. Đặt vấn đề

Luật pháp của Việt Nam đã quy định, đi học là quyền của tất cả trẻ em, khi đủ tuổi đến trường. Vì vậy, cần đáp ứng nhu cầu cơ bản và chính đáng đó. Tuy nhiên, trong thực tế, với một số ít trẻ em, nhu cầu được bước vào công trường học trở nên “xa xỉ” và đôi khi các em chưa nhận được sự chào đón của các nhà trường. Với một số trẻ khác, dù đã được nhà trường tiếp nhận nhưng dường như nơi đây chưa phải là môi trường thực sự dành cho các em để các em được trải nghiệm cảm giác an toàn, thoải mái, tự tin khi tham gia các hoạt động ở trường học và được phát triển bản thân. Những thống kê về giáo dục (GD) đã cho thấy, nhóm trẻ em thiệt thòi nói trên đang tập trung chủ yếu ở các đối tượng: Học sinh (HS) là con em các hộ gia đình nghèo và cận nghèo; HS là dân tộc thiểu số (DTTS) và HS khuyết tật - được gọi chung là “nhóm yếu thế”. Vấn đề đặt ra là liệu có đang tồn tại những “rào cản” đối với các em trong tiếp cận với GD hay không; đồng thời, có những cản trở gì trong việc tiếp nhận sự quan tâm, bảo trợ để các em có thể hoà nhập trong môi trường thân thiện và an toàn? Bài báo phân tích để nhận diện vấn đề nêu trên, nhằm tìm ra một số yếu tố cụ thể đang cản trở trẻ em đến trường và được hoà nhập. Trên cơ sở đó, đưa ra phương hướng để khắc phục, tháo gỡ. **Đây là kết quả nghiên cứu trong khuôn khổ đề tài “Xây dựng môi trường GD an toàn, lành mạnh, thân thiện ở các cơ sở GD mầm non, phổ thông trong bối cảnh hiện nay”- Mã số KHGD/16-20.ĐT.015, thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia, giai đoạn 2016 - 2020.**

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan điểm bảo vệ quyền trẻ em và ưu tiên hỗ trợ nhóm trẻ yếu thế

Việt Nam là một trong những quốc gia đi đầu trong việc hưởng ứng và kí Công ước quốc tế về Quyền trẻ em từ năm 1991. Quan điểm này đã được khẳng định thông qua việc triển khai xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về Quyền trẻ em với bộ Luật Trẻ em được ban hành và đã có hiệu lực từ tháng 6 năm 2017. Trong đó, đã đặc biệt nhấn mạnh việc ưu tiên bảo vệ và hỗ trợ cho nhóm trẻ em thiệt thòi, ít có cơ hội nhất, nhằm hướng tới đảm bảo công bằng và bình đẳng trong tiếp cận GD. Điều này hoàn toàn thống nhất và đang được sự đồng hành, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế bảo vệ trẻ em, điển hình là Quỹ Nhi đồng Liên Hợp quốc (UNICEF) với mục tiêu tôn chỉ là: “Bảo vệ trẻ em và tập trung vào những người nghèo nhất và thiệt thòi nhất”.

Đối tượng HS thiệt thòi rất đa dạng và được phân loại theo các tiêu chí khác nhau. Trong diễn đàn này, chúng tôi phân thành 03 loại đối tượng chính là trẻ em là con em gia đình nghèo, trẻ em DTTS và trẻ em bị các dạng tật, trẻ khuyết tật (TKT) và gọi chung là “nhóm yếu thế” (xem Bảng 1).

Quyền được học tập, là một trong những quyền cơ bản của trẻ em được pháp luật Nhà nước ta quy định. Quyền học tập là một quyền tối quan trọng, là loại quyền trong lĩnh vực văn hóa và liên quan đến tất cả các quyền kinh tế, xã hội. Xét theo khía cạnh nào đó, đây cũng là quyền dân sự và quyền chính trị bởi quyền GD được xem là trung tâm để thực thi một cách có hiệu quả tất cả các quyền khác. Đây là quyền mà mọi trẻ em

Bảng 1: Số liệu thống kê về trẻ em thuộc nhóm yếu thế

Dưới 18 tuổi: 26,2 tr	Trai: 13,6tr	Gái: 12,6
Khuyết tật: 2.76%	Không đi học: 50%	Chưa có chứng nhận TKT: >83%
Nghèo đa chiều	Kinh 14.1%	DTTS: 52.4%
HS THCS NNT: 8.1%	Nghèo: 17.9%	ĐBSCL: 14%
Lao động TE: 16%	Nghèo 33%	Miền núi phía Bắc: 36%

(Nguồn: UNICEF. 2018. German Watch 2018, WHO 2018, MOET 2017, GSO 2016)

không phân biệt điều kiện và hoàn cảnh đều được bình đẳng về cơ hội học tập, được tạo điều kiện để ai cũng được học hành.

Song vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại, cần có sự quan tâm của cả xã hội, của mỗi gia đình trong việc chăm sóc, tạo điều kiện để mọi trẻ em, đặc biệt là nhóm yếu thế - những mầm non tương lai của đất nước được học tập để trở thành những công dân có ích cho xã hội.

Quyền được hoà nhập xã hội đã được Bộ GD&ĐT Việt Nam cam kết (năm 2005) với định hướng về GD hòa nhập trên cả nước và Bộ đã thông qua một Nghị định về GD hòa nhập cho TKT vào năm 2006. Năm 2010, Luật về Người khuyết tật được ban hành một lần nữa khẳng định cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc cung cấp cơ hội GD cho toàn xã hội, theo đó khẳng định cung cấp GD hòa nhập cho tất cả TKT. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng là các chính sách đó đã được thực thi như thế nào trên thực tiễn? Việt Nam đã đạt được những thành tựu gì và còn những khó khăn, thách thức gì cần phải giải quyết? Chúng ta đã đi được đến đâu trên hành trình đưa toàn bộ TKT vào hệ thống GD hòa nhập?

Mặc dù đã có những tiến bộ đáng kể trong thực hiện GD cơ bản cho tất cả mọi người nhưng vẫn tồn tại những trở ngại lớn trong việc tiếp cận GD chất lượng, GD hòa nhập và bền vững đối với một bộ phận trẻ em, đặc biệt là TKT, người có hoàn cảnh khó khăn và DTTS.

Hiện nay, những trẻ em này vẫn phải đối mặt với một số rào cản để GD hòa nhập còn xa tầm với, đặc biệt là thiếu điều kiện vật chất, trường chuyên biệt, chuyên ngành đào tạo giáo viên (GV) và còn khác biệt về định nghĩa TKT ở các dạng khác nhau. Các lí do trên đã tạo

hệ quả là nhiều TKT không được tới lớp học, không hoàn thành chương trình tiểu học hoặc trung học và không được quyền lợi cơ bản là được tiếp cận một nền GD có ý nghĩa.

Đối với TKT, sự tách biệt với xã hội bắt đầu từ sớm. Theo số liệu Tổng Điều tra dân số 2009, chỉ 66,5% TKT độ tuổi 6-10 được đi học tiểu học (tỉ lệ chung toàn quốc là 97,0%). Đối với các em được đi học, hệ thống GD hiện nay chưa đủ điều kiện cung cấp chương trình GD phù hợp và rất nhiều TKT bị đúp cho đến khi quá tuổi tham gia GD đại trà. Khoảng 33,0% TKT được đi học đã bỏ học. Vấn đề giới cũng cần được quan tâm. Theo báo cáo năm 2007 của Viện Khoa học GD Việt Nam về GD TKT, 55,5% em gái chưa từng được đến trường, tỉ lệ cho các em trai chỉ là 39,0% (NCCD, 2010).

2.2. Các yếu tố rào cản chính

Sau khi xem xét từng vấn đề liên quan đến thực thi quyền đi học trong môi trường an toàn, thân thiện và hoà nhập xã hội đối với trẻ em, đặc biệt với nhóm trẻ yếu thế, đồng thời căn cứ bối cảnh thực tiễn kinh tế - xã hội trong mấy năm gần đây cùng với các báo cáo nghiên cứu của quốc gia và quốc tế về thực trạng vấn đề này ở Việt Nam, tác giả đã khái quát lại thành 08 yếu tố chính, có thể đã gây ra sự cản trở việc trẻ em đến trường học và được hoà nhập trong môi trường học đường (xem Bảng 2).

1/ Điều kiện kinh tế - xã hội

Không được đến trường: Nhiều hộ gia đình do điều kiện kinh tế khó khăn, con cái đang ở độ tuổi đi học nhưng đã phải lao động, phụ giúp gia đình, thậm chí là chủ lực lao động kiếm sống trong gia đình. Do vậy, các em đã không có cơ hội được đến trường hoặc phải nghỉ học sớm. Số HS này nằm chủ yếu tập trung ở vùng cao, sâu, khó khăn và là dân tộc thiểu số. Đây cũng là nhóm HS dễ bị tổn thương bởi tác động của đại dịch Covid-19. Thời gian đóng cửa trường học do giãn cách xã hội đã gây ra việc trẻ em không thể tiếp cận các dịch vụ chăm sóc y tế và bảo vệ quan trọng cũng như các bữa ăn trợ cấp trong trường học. Hơn nữa, COVID-19 cũng khiến trẻ em bỏ học do các em phải theo cha mẹ đi tìm cơ hội việc làm ở những địa điểm khác. 3% hộ gia đình nông thôn được khảo sát thừa nhận đã dừng cho con đến trường do thu nhập giảm [1].

Hạn chế mức đầu tư hộ gia đình cho GD. Nhiều em

Bảng 2: Các yếu tố cản trở việc đi học hoà nhập của nhóm yếu thế

	Kinh tế	Đa văn hóa	Ngôn ngữ	Vị trí địa lí	Bảo trợ xã hội	Văn hóa học đường	Cơ sở vật chất	Hỗ trợ sức khỏe tâm thần
Nghèo	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓
Khuyết tật	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓
DTTS	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓

không dám đến trường vì cha mẹ chưa đóng được học phí, chưa có sách giáo khoa, phương tiện, đồ dùng học tập... Do mãi lo kiếm sống nên nhiều cha mẹ ít có điều kiện quan tâm đến việc học hành của con. Thậm chí, có một bộ phận dân nghèo còn phải li quē để tìm việc làm, mưu sinh. Nhiều hộ gia đình, do di cư tự do, không đăng kí hộ khẩu nên đã là một trở ngại tiềm ẩn về mặt hành chính ngăn cản trẻ em tiếp cận hệ thống GD công, đặc biệt là đối với trẻ di cư [2].

Đời sống gia đình khó khăn cũng tạo ra nguy cơ con em của họ bị hạn chế chăm sóc thể chất, tinh thần và tiếp cận dịch vụ y tế trong khi điều kiện sống không thực sự đảm bảo dễ tạo ra nguy cơ mắc phải bệnh tật. Trẻ chưa thành niên đã phải tham gia lao động, chưa có đủ năng lực tự bảo vệ nên có nguy cơ cao sẽ bị lạm dụng, bạo lực, xâm hại.

2/ Sự khác biệt văn hoá

Trong trường học, trẻ em thuộc nhóm yếu thế thường mặc cảm, tự ti, khó hoà đồng với bạn bè. Đôi khi các em còn bị kì thị, bị đối xử thiếu công bằng trong quá trình học tập, trong quan hệ bạn bè thì thiếu sự đồng cảm, chia sẻ, không được tôn trọng giá trị riêng, bản sắc riêng, như: HS thuộc tộc người thiểu số, HS có hạn chế về chức năng cơ thể hoặc HS con em gia đình nghèo.

Do các nhà trường chưa chú trọng việc GD giá trị văn hoá cho HS, GD kĩ năng tôn trọng sự khác biệt và GD năng lực giao tiếp, hợp tác trong môi trường đa văn hoá... nên đã tạo ra rào cản trong quá trình HS yếu thế hoà nhập trong môi trường học đường.

Sự kì thị và không tôn trọng cũng gây nguy cơ nhóm trẻ yếu thế bị trêu chọc, bị bắt nạt, bỏ rơi/xao nhãng, bị xâm hại về thể chất và tinh thần. Đồng thời, trong các nhà trường hiện nay còn thiếu quy định về báo cáo khi HS bị bạo lực, cần được bảo vệ và trợ giúp từ nhà trường, bạn bè và cộng đồng. Đối với nhóm HS khuyết tật (HSKT), các em còn gặp phải khó khăn trong tự phục vụ và thực hiện nhiệm vụ học tập. Trong khi, hệ thống hỗ trợ, bảo vệ trẻ em chưa thể can thiệp tâm lí cho các em.

3/ Khó khăn về phương tiện giao tiếp ngôn ngữ

Thực tế, HS DTTS, không được học bằng tiếng mẹ đẻ, nên đã gặp khó khăn về ngôn ngữ; làm cho các em cảm thấy tự ti, áp lực trong học tập và có thể dẫn đến bỏ học.

Với nhóm TKT thì điều kiện tiếp cận, giao tiếp, tương tác với trẻ khác và thực hiện nhiệm vụ học tập gặp khó khăn; đặc biệt là các em bị khuyết tật ngôn ngữ, khuyết tật thị giác, vận động, thính giác... và các em cần được hỗ trợ, GD theo nhu cầu đặc biệt.

Trong trường hoà nhập, các em khuyết tật ngôn ngữ, thị giác không có cơ hội được sử dụng phương tiện ngôn ngữ thay thế (ngôn ngữ kí hiệu, chữ nổi...)

HS người DTTS cũng gặp nhiều khó khăn trong giao tiếp và học tập bằng tiếng phổ thông, dẫn đến việc các

em thu mình, tự ti, giảm cơ hội được khẳng định và phát triển thể mạnh của bản thân. Những khó khăn nêu trên cũng góp phần làm tăng nguy cơ các em HS nhóm yếu thế bị bạo lực thể chất và tinh thần (kì thị, trêu chọc, bỏ rơi, bạo lực, xâm hại...). Hơn nữa, sự quan tâm, trợ giúp, bảo vệ những HS này, từ phía nhà trường, bạn bè, cộng đồng, khi các em gặp phải khó khăn chưa được chuyên nghiệp và hiệu quả. Chương trình học trực tuyến và học từ xa tập trung vào rất ít môn học (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) và thường không hỗ trợ giảng dạy bằng ngôn ngữ của DTTS [3].

4/ Khó khăn về vị trí địa lí

HS DTTS ở những vùng cao, vùng sâu, đường đến trường thường xa và hiểm trở, ít phương tiện đi lại, tiềm ẩn nguy cơ không an toàn giao thông, lại càng khó khăn hơn đối với TKT trong tiếp cận GD.

Với quãng đường đến trường và về nhà xa, nhiều chỗ vắng vẻ, tạo nguy cơ các em bị bắt nạt, xâm hại thể chất và tinh thần. Trong khi nhiều trường chưa thiết lập kênh báo cáo hoặc hướng dẫn các em tìm kiếm sự trợ giúp khi gặp phải bạo lực, xâm hại ở trong và ngoài khuôn viên trường học.

5/ Hạn chế tiếp cận dịch vụ bảo trợ xã hội

Mặc dù Chính phủ cùng sự trợ giúp của một số tổ chức quốc tế bảo vệ quyền trẻ em đã có nhiều chương trình và chính sách hỗ trợ cho HS là con em hộ nghèo hoặc cận nghèo, tuy nhiên vẫn chưa thực sự giải quyết được nhu cầu đến trường của các em.

Đối với TKT, chỉ có dưới 20% trong số hơn 1 triệu TKT được giám định và chứng nhận TKT. Do đó, hầu hết các em không được hưởng hỗ trợ xã hội, hiện chỉ có 1/3 số TKT được đi học.

Cơ sở hạ tầng đường xá nói chung và phương tiện giao thông công cộng chưa tiếp cận TKT đã gây nhiều cản trở cho các em được đến trường. Công tác xã hội trường học còn sơ khai, cán bộ công tác xã hội trường học thường là GV kiêm nhiệm, chưa được đào tạo nghiệp vụ chuyên nghiệp. Nhà trường chưa thiết lập và thông báo cho cha mẹ HS và HS được biết đến các kênh báo cáo khi cần được bảo vệ, trợ giúp. Sự kết nối giữa cán bộ công tác xã hội trường học với nhân viên công tác xã hội xã/phường chưa chặt chẽ, báo cáo thông tin chưa kịp thời.

Trong bối cảnh COVID-19, các chương trình hoạt động hỗ trợ, cứu trợ xã hội cho trẻ em lại càng khó khăn, cụ thể là đối với 9,5% trẻ em từ 4 đến 15 tuổi được hưởng phúc lợi do UNICEF Việt Nam thực hiện. Công tác xây dựng và triển khai gói hỗ trợ bảo trợ xã hội của Chính phủ trong bối cảnh đại dịch COVID-19 đã bỏ qua hoặc chưa quan tâm đầy đủ đến một vài nhóm đối tượng cụ thể. Đặc biệt, nhiều gia đình có con nhỏ không đủ điều kiện hưởng gói hỗ trợ tiền mặt theo Nghị quyết số 42 do phạm vi thụ hưởng hẹp, tiêu chí xét duyệt phức tạp và thủ tục hành chính rườm rà. Nhiều

gia đình có con nhỏ phải vật lộn để kiếm sống do bị mất hoặc giảm thu nhập và hệ thống bảo trợ xã hội còn bộc lộ yếu kém, buộc nhiều gia đình phải cắt giảm chi tiêu cho thực phẩm hoặc phải vay mượn tiền. Những đối tượng vốn khó khăn về kinh tế - xã hội từ trước khi đại dịch COVID-19 bùng phát thậm chí phải chịu ảnh hưởng nặng nề hơn trong suốt thời kì đại dịch, nhất là những hộ nghèo và cận nghèo, những gia đình có con khuyết tật, gia đình gồm cha mẹ đơn thân, người di cư, những gia đình ở vùng sâu vùng xa (chủ yếu là các nhóm dân tộc thiểu số) vốn bị hạn chế về điều kiện tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phúc lợi và GD [3].

Giãn cách xã hội cũng hạn chế sự hỗ trợ nhóm đối tượng dễ bị tổn thương qua các dịch vụ then chốt có thể thực hiện ở trường như khám sức khỏe, cho trẻ ăn hoặc trị liệu cho trẻ có nhu cầu đặc biệt và đối tượng bị thiệt thòi có thể bị ảnh hưởng nặng nề hơn bởi dịch bệnh [4].

6/ Môi trường văn hoá trường học

Mặc dù Chính phủ, Bộ GD&ĐT đã có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các trường học xây dựng và thực hiện xây dựng Quy tắc ứng xử và xây dựng môi trường GD an toàn, lành mạnh, thân thiện, không bạo lực học đường (Nghị định 80/2017/NĐ-CP và Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT) nhưng nhiều trường học chưa tổ chức xây dựng quy tắc ứng xử chi tiết, phù hợp để đưa vào thực hiện. Vấn đề thực hành kĩ năng sống của HS còn nhiều hạn chế về: lòng khoan dung văn hoá và tôn trọng bản sắc riêng của cá nhân hoặc nhóm HS; sự chia sẻ và hợp tác; đồng cảm và giúp đỡ bạn; tự tin & tự trọng; ... Tình trạng bạo lực học đường về thể chất và tinh thần ở trường học vẫn còn khá phổ biến (như: kì thị, trêu chọc, bỏ rơi, bắt nạt, xâm hại...). Trong nội dung GD ở nhà trường, còn thiếu các nội dung hay chủ đề GD HS về năng lực giao tiếp trong môi trường đa văn hoá. Các hoạt động trải nghiệm, sân khấu hoá, câu lạc bộ... chưa chú trọng đến việc thu hút sự tham gia của TKT và DTTS.

7/ Thiếu cơ sở vật chất và học liệu

Cơ sở vật chất của đa số các nhà trường phổ thông hiện nay chưa đủ điều kiện tiếp cận TKT, như: cầu thang, lối đi lại, phương tiện dạy học... Các em chưa được trang bị, hỗ trợ học liệu và phương tiện chuyên biệt để đáp ứng nhu cầu học tập của nhóm HS khó khăn, như: chữ nổi, ngôn ngữ kí hiệu, tài liệu tiếng dân tộc, ... Vấn đề đáng chú ý nhất là khủng hoảng COVID-19 đã làm gia tăng khoảng cách số giữa các vùng trên cả nước. Hệ thống ICT, phương tiện, học liệu phục vụ dạy - học trực tuyến của các nhà trường, của GV và HS chưa đáp ứng yêu cầu và đặc biệt làm tăng rào cản học hoà nhập đối với TKT, HS nghèo và DTTS. HS ở vùng sâu vùng xa với độ phủ sóng internet hạn chế, không có khả năng đầu tư các thiết bị công nghệ cần thiết cho việc học trực tuyến [4]. Các chương trình học trực tuyến và học từ xa không bao phủ đồng đều mọi cấp học trên toàn quốc mà tập trung chủ yếu vào lớp 9 và 12. Chỉ Hà Nội có triển khai chương trình học từ xa từ lớp 4 đến 12. Nhiều khi

người dùng phải trả phí để xem một số video giảng dạy. Một nửa số người được phỏng vấn trong cuộc điều tra cho biết con họ học ít hơn hoặc hầu như không học khi trường học đóng cửa, trong đó trẻ em DTTS và TKT phải chịu những tác động rất lớn so với những nhóm trẻ em khác [3]. Nhiều GV không được trang bị tốt để triển khai giảng dạy trực tuyến [4]. Các nhà trường đều báo cáo là thiếu phương tiện, điều kiện nguồn lực tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường học.

8/ Dịch vụ trợ giúp sức khoẻ tâm thần

Mặc dù Bộ GD&ĐT đã có các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ nâng cao năng lực tư vấn cho GV phổ thông làm nhiệm vụ công tác tư vấn tâm lí cho HS (Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT, Thông tư số 16/2016/TT-BGDĐT, QĐ 1876/2018/QĐ-BGDĐT) nhưng hiện nay còn khoảng 50% số trường học chưa thành lập Tổ tư vấn học đường và chưa sẵn sàng triển khai hoạt động tư vấn học đường; công tác này còn bộc lộ bất cập, thiếu sự chuyên nghiệp, chưa đáp ứng nhu cầu tư vấn cho HS; Năng lực của cán bộ tư vấn tâm lí còn hạn chế do phần lớn là GV dạy các bộ môn làm nhiệm vụ.

Đa số trường hợp HS gặp khó khăn tâm lí chưa biết hoặc chưa chủ động tìm đến cán bộ tư vấn. Nhìn chung, mỗi năm các phòng tư vấn học đường ở trường học chỉ tiếp nhận và trợ giúp, tư vấn cho một vài trường hợp HS gặp khó khăn tâm lí. Sự phối hợp giữa cán bộ tư vấn học đường với các GV và HS trong trường, với cha mẹ HS, chuyên gia tâm lí và các lực lượng liên quan khác chưa thật đồng bộ và ít hiệu quả.

2.3. Số liệu minh họa

a/ Về TKT

- 7% dân số là người khuyết tật, trong đó TKT chiếm khoảng gần 3%.
- 2,3% người khuyết tật được tiếp cận dịch vụ phục hồi chức năng khi bị ốm/ bị thương.
- 1/3 số TKT được đi học.
- 2% số trường tiểu học, trung học có cơ sở vật chất phù hợp TKT.
- Khoảng 1/7 số trường có một GV được đào tạo về khuyết tật.
- Các hộ gia đình có thành viên khuyết tật thường nghèo hơn.

(Nguồn: UNICEF, 2019)

b/ Về trẻ em nghèo và DTTS

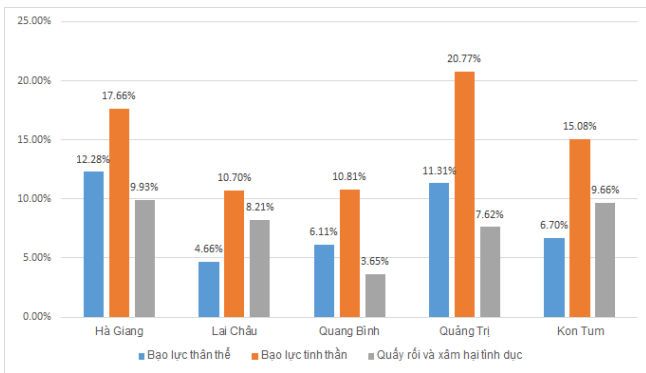
- 8,6% HS nam và 7,5% HS nữ là DTTS.
- Trẻ em ngoài nhà trường chủ yếu ở nhóm trẻ em DTTS.
- Trẻ em nam DTTS có cơ hội được đi học ít hơn trẻ em gái.
- Đa số gia đình DTTS là hộ nghèo và cận nghèo.

(Nguồn: UNICEF, 2019)

c/ Về bạo lực học đường

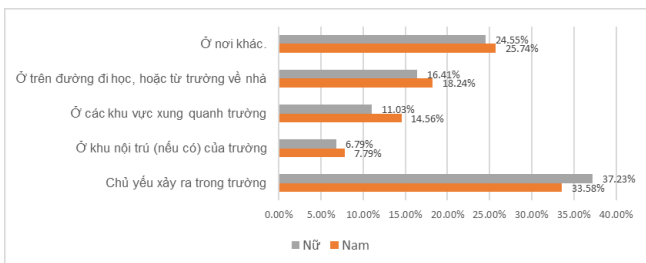
Kết quả nghiên cứu 20 trường phổ thông dân tộc nội trú và dân tộc bán trú tại 05 tỉnh: Hà Giang, Lai Châu, Quảng Bình, Quảng Trị, Kon Tum về trải nghiệm bạo lực học đường của HS; trong đó gồm có: HS con gia đình nghèo và HS DTTS (thuộc khuôn khổ Dự án xây dựng mô hình trường học an toàn, thân thiện, không bạo lực học đường, do tổ chức PLAN International Vietnam và Bộ GD&ĐT phối hợp, nhóm nghiên cứu Viện Khoa học GD Việt Nam thực hiện).

- *Số liệu về trải nghiệm bạo lực học đường của HS (xem Biểu đồ 1)*



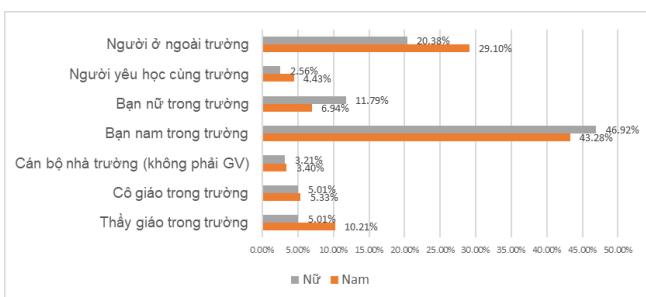
Biểu đồ 1: Các loại hình bạo lực học đường (thể chất, tinh thần, xâm hại tình dục)

- *Các địa điểm có xảy ra bạo lực học đường (xem Biểu đồ 2)*



Biểu đồ 2: Địa điểm có nguy cơ xảy ra bạo lực đối với HS

- *Các đối tượng gây bạo lực (cán bộ nhân viên, GV, HS, đối tượng ngoài trường học) (xem Biểu đồ 3)*



(Nguồn: PLAN, 2020)

Biểu đồ 3: Đối tượng gây ra bạo lực ở HS

2.4. Giải pháp tăng cơ hội hoà nhập cho nhóm yếu thế

a/ Trường học không từ chối tiếp nhận nhóm trẻ yếu thế

Không có ngoại lệ và không có trẻ em bị bỏ lại phía sau. Mọi trẻ em, bất kể tình trạng khuyết tật, ở Việt Nam đều có quyền đến trường học mà được nuôi dưỡng đầy đủ tiềm năng của mình để học hỏi trong cộng đồng của các em (UNICEF). Để đảm bảo GD chất lượng và hòa nhập cho trẻ em khuyết tật, Chính phủ Việt Nam cần tiếp tục phối hợp với các đối tác quốc tế nỗ lực hướng đến mục tiêu này thông qua các phương pháp tiếp cận dựa trên quyền bình đẳng trẻ em, lấy trẻ em làm trọng tâm. Nghiên cứu cho thấy, GD hòa nhập không chỉ mang lại kết quả học tập tốt hơn cho TKT mà còn cho tất cả trẻ em. GD hòa nhập thúc đẩy sự khoan dung và cho phép gắn kết xã hội vì nó thúc đẩy một nền văn hóa xã hội gắn kết và thúc đẩy sự tham gia bình đẳng trong xã hội.

Trong lĩnh vực GD hòa nhập cho TKT tại Việt Nam, chúng ta cần phải tiếp tục kêu gọi và trân trọng sự đóng góp hết sức to lớn và có ý nghĩa của các tổ chức quốc tế, điển hình là Quỹ Nhi đồng LHQ - UNICEF, thông qua việc hỗ trợ kỹ thuật, thúc đẩy không gian học tập và tiếp cận, đào tạo GV và tăng cường đào tạo năng lực trực tuyến, tiếp cận đa ngành để phá vỡ rào cản, tạo điều kiện cho cộng đồng cùng tham gia, theo dõi và thu thập dữ liệu HS nhập học để có bằng chứng và theo dõi và giám sát các tiến bộ; Nhằm thu hẹp khoảng cách kiến thức về khuyết tật thời thơ ấu và hợp tác chặt chẽ với ngành GD để có một gói dịch vụ được cải thiện cho TKT có quy mô rộng lớn. Đặc biệt là, các vấn đề liên quan đến TKT cần được ưu tiên trong chương trình nghị sự của Chính phủ và được phản ánh trong phân bổ nguồn lực. Kết hợp tất cả những điều nêu trên sẽ nâng cao sự sẵn sàng của HS, GV, trường học, phụ huynh và cộng đồng để mở cửa cho GD hòa nhập cho TKT.

b/ Xây dựng môi trường GD an toàn, thân thiện để trẻ yếu thế được hoà nhập

Trường học là một môi trường lí tưởng để giúp trẻ vị thành niên học hỏi và thực hành các hành vi văn hoá, đạo đức, bình đẳng và không định kiến. Do đó, cần tạo dựng nhà trường trở thành môi trường thực sự “trong lành” về cả tâm lí lẫn vật chất.

Cần thay đổi nhận thức xã hội khi nhìn nhận hình ảnh điển hình về TKT ở Việt Nam là những đứa trẻ trông không bình thường và đầy bất lực. Sự kỳ thị này chỉ là một trong rất nhiều cách khiến những đứa trẻ này bị gạt ra lề xã hội. Vì phần lớn xã hội tin rằng, các em không có khả năng làm gì cả nên TKT bị bỏ qua trong nhiều mặt đời sống: chưa được chăm sóc sức khỏe thỏa đáng; ít bạn bè; bị hạn chế các cơ hội học tập. Việc tập trung tạo mọi cơ hội tốt nhất để các em được đến trường, giúp các em có kiến thức và kỹ năng sống, có cơ hội việc làm

và tham gia vào xã hội khi trưởng thành. Hiển nhiên, điều này sẽ làm giảm sự kì thị đối với người khuyết tật nói chung và những trẻ em kém may mắn nói riêng.

Xã hội cần can thiệp càng sớm càng tốt thông qua hệ thống GD chuyên biệt và hòa nhập. GD hòa nhập cho phép mọi trẻ em, khuyết tật cũng như bình thường, được học tập trong cùng một môi trường, nơi các điều kiện được điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của TKT. Một hệ thống như vậy sẽ cho phép TKT được thể hiện tối đa khả năng của mình cũng như tạo điều kiện để các em chứng minh được rằng, mình cũng có khả năng như mọi đứa trẻ khác. GD hòa nhập đã được khuyến khích áp dụng đối với TKT trên toàn cầu và tại Việt Nam hệ thống GD này cũng đã nhận được sự ủng hộ về chính sách. Tuy nhiên, quá trình triển khai hình thức GD này ở Việt Nam còn chậm và chưa đồng bộ.

Cần thúc đẩy việc giám định và công nhận TKT, đồng thời thống kê dữ liệu chính xác và cập nhật về tình hình khuyết tật, theo như các yêu cầu trong Luật về Người khuyết tật ban hành năm 2010. Để trong tình trạng cấp bách liên quan đến trẻ em và người khuyết tật nói chung, chúng ta mới đánh giá đầy đủ nhu cầu được GD của TKT. Từ đó, có sự quan tâm thỏa đáng đến đào tạo đội ngũ GV về GD hòa nhập, khắc phục tình trạng các trường học ngại ngần không muốn nhận TKT do không đủ năng lực.

Cần thống nhất trong cách tiếp cận TKT của Bộ GD&ĐT với Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Hiện tại, Bộ GD&ĐT đã cam kết thực hiện GD hòa nhập từ năm 2005, trong khi Bộ Lao động Thương binh và Xã hội lại có chính sách riêng cho trẻ em khuyết tật và cung cấp cho các em hệ thống GD chuyên biệt. Luật Người khuyết tật quy định rằng, ba phương pháp GD sẽ tiếp tục được thực hiện, bao gồm GD hòa nhập, GD bán chuyên biệt, và GD chuyên biệt. Tuy nhiên, “Nhà nước khuyến khích người khuyết tật tham gia vào GD hòa nhập” và hai phương pháp còn lại chỉ nên được sử dụng khi GD hòa nhập không phù hợp hoặc nếu gia đình/người giám hộ cảm thấy cần thiết (Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 2010).

Tăng cường GD kĩ năng sống, GD năng lực giao tiếp đa văn hoá cho HS, nhằm tạo dựng môi trường tâm lí an toàn, thân thiện, lành mạnh, không bảo lực; hướng đến mục tiêu mọi trẻ em được đi học và hoà nhập trong ngôi trường hạnh phúc.

Tóm lại, chỉ khi toàn xã hội thay đổi cách nhìn của mình đối với người khuyết tật thì việc xây dựng một xã hội không có rào cản cách biệt giữa mọi người mới có thể thành công. Để khẳng định giá trị và phát huy năng lực của người khuyết tật, chúng ta nên hạn chế hoạt động từ thiện kiểu “trao quà” vì sẽ tăng định kiến về sự

yếu thế của họ. Điều đáng buồn là rất nhiều TKT cũng lớn lên với niềm tin vào những định kiến này rằng các em không có khả năng làm gì cả và xã hội đã đang làm tất cả những gì có thể để chăm sóc cho các em thông qua việc trao quà và tiền từ thiện. Trong khi đó, hầu hết các em này hoàn toàn có khả năng tham gia vào các hoạt động của một lớp học bình thường với bạn bè của mình mà không nhất thiết là đối tượng từ thiện vào các dịp lễ tết.

c/ Phát triển mô hình Tư vấn học đường và Công tác xã hội trường học theo hướng dẫn tại TT31/2017 và TT33/2018

Thực tế hiện nay, do tác động nhiều mặt trong đời sống xã hội, gia đình và nhà trường đã tạo nên những sức ép tâm lí không nhỏ đối với các em HS, đặc biệt là nhóm yếu thế càng dễ bị tổn thương hơn, dẫn đến tình trạng chán học, rối nhiễu tâm lí - trầm cảm, hoặc có những hành vi lệch chuẩn trong các trường học ngày càng gia tăng. Vấn đề đặt ra là, các nhà GD cần biết các em gặp khó khăn gì, ở mức độ nào? Các em đã làm gì để giải quyết những khó khăn đó? Nhu cầu trợ giúp về mặt tâm lí của các em HS là nhu cầu có thật, chính đáng và cần được thỏa mãn. Chính vì vậy, HS nhóm yếu thế cần được tham vấn về cách nhìn nhận đúng đắn và thái độ tích cực đối với cuộc sống. Nếu không, các em sẽ mất phương hướng, sẽ không đủ sức mạnh để vượt qua chính mình và định hướng cho cuộc sống và trong công việc tương lai. Vì lẽ đó, *mô hình “phòng tư vấn tâm lí học đường”* đã được hình thành nhưng cần thúc đẩy phát triển hơn nữa tại từng cơ sở GD nhằm tập trung chăm sóc sức khoẻ tâm thần và giải quyết những khó khăn của HS về vấn đề tâm - sinh lí, về học tập, định hướng nghề nghiệp,...

Thúc đẩy cấp chứng nhận TKT và hỗ trợ TKT tiếp cận dịch vụ bảo trợ XH theo các Mô hình: Mô hình Y học; Mô hình Xã hội; Mô hình Nhân quyền và Triển khai mô hình hỗ trợ trẻ em có nhu cầu GD đặc biệt.

3. Kết luận

Việt Nam là quốc gia đi đầu trong việc đưa ra tuyên bố về Quyền trẻ em và khẳng định tuyên bố này qua việc ban hành Luật Trẻ em, Luật về Người khuyết tật... Hiện nay, còn một bộ phận trẻ em chưa được đi học hoặc chưa được trải nghiệm cảm giác an toàn, thoải mái, tự tin khi tham gia các hoạt động ở trường học và được phát triển bản thân. Trong đó, chủ yếu tập trung ở nhóm trẻ là con em các hộ gia đình nghèo, HS là DTTS và HS khuyết tật. Trong thực tế đang tồn tại những “rào cản” đối với các em khi tiếp cận với GD và muốn hoà nhập trong môi trường thân thiện và an toàn. Một số giải pháp căn bản có thể giúp tháo gỡ đó

là: 1/ Nhà trường và xã hội không được khước từ tiếp nhận nhóm trẻ yếu thế; 2/ Xây dựng môi trường GD an toàn, thân thiện để trẻ yếu thế được hoà nhập; 3/

Phát triển mô hình Tư vấn học đường và Công tác xã hội trong trường học.

Tài liệu tham khảo

- [1] Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn, (2020), *Đánh giá nhanh về tác động của COVID-19 đến sinh kế vùng nông thôn Việt Nam*.
- [2] Viện Khoa học, Lao động và Xã hội (ILSSA), UNESCO, IOM, ILO và Quỹ Dịch vụ Sức khỏe (HSF) (sắp phát hành), *Lao động di cư trong nước tại Việt Nam: Bằng chứng từ Hà Nội và Bình Dương*.
- [3] UNITED Nation, (2020), *Đánh giá nhanh về tác động xã hội và kinh tế của COVID-19 đối với trẻ em và gia đình*.
- [4] UNICEF, (2020), *Đánh giá nhanh tình hình học trực tuyến/từ xa trong bối cảnh đại dịch COVID-19*.
- [5] Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, (2010), *Luật Người khuyết tật*.
- [6] PLAN International Vietnam & MOET, (2019), *Báo cáo đánh giá đầu kì và giữa kì dự án xây dựng mô hình trường học an toàn, lành mạnh, thân thiện, không bạo lực học đường*, Nhóm nghiên cứu thuộc Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

CREATING A SAFE, FRIENDLY, AND INCLUSIVE EDUCATIONAL ENVIRONMENT: BARRIERS AND SOLUTIONS

Nguyen Hong Thuan

Email: thuannh@vnies.edu.vn
The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *Going to school is the right of all Vietnamese children, and society has a duty to satisfy that basic and legitimate need. In fact, there are a small number of children who sometimes have not received the welcome of schools, or they have not really experienced the feeling of safety, comfort, and confidence when participating in school activities to develop themselves. Education statistics show that the above-mentioned disadvantaged children group is concentrated mainly among children in monetary poor households, students from ethnic minorities, and students with disabilities - generally known as "the disadvantaged group". The issue is raised as to whether there are any "barriers" when children access education. In addition, what are the obstacles in receiving care and patronage of the children so that they can integrate in a friendly and safe environment? This article will identify the above problem, thereby providing solutions to it.*

KEYWORDS: Educational environment, safety, friendly, inclusion, barriers, solutions.